

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2656/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày 09 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Tiền Giang năm 2023**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở; Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết về phát triển và quản lý nhà ở xã hội; Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 2161/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 3873/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Tiền Giang đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2843/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc Phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2022 - 2026 và năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1781/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc phê duyệt Đề cương và dự toán kinh phí lập Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Tiền Giang năm 2023;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3071/TTr-SXD ngày 20/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Tiền Giang năm 2023.

Điều 2. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch, thường xuyên theo dõi việc thực hiện, kịp thời tham mưu đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Diệu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Phát triển nhà ở tỉnh Tiền Giang năm 2023

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2656/QĐ-UBND ngày 09/11/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Tiền Giang đến năm 2030 trong giai đoạn 2022 - 2026; cụ thể hóa các chỉ tiêu phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh theo Chương trình phát triển nhà ở tỉnh đã được duyệt.
- Làm cơ sở để triển khai các bước chuẩn bị đầu tư và quỹ đất để đầu tư các dự án phát triển nhà ở thương mại, nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh.
- Dự báo nguồn vốn, huy động các nguồn lực từ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, phát triển nhà ở, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.
- Chú trọng giải quyết nhu cầu nhà ở cho công nhân; người có thu nhập thấp; người nghèo, người có công với cách mạng; cán bộ, công chức, viên chức; học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Kế hoạch phát triển nhà ở phải bám sát các nội dung Chương trình phát triển nhà ở tỉnh đến năm 2030 và Kế hoạch phát triển nhà ở giai đoạn 2022 - 2026 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;
- Xác định vị trí, khu vực phát triển nhà ở, số lượng, quy mô dự án phát triển nhà ở; xác định được tỷ lệ, số lượng, diện tích các loại nhà ở cần đầu tư xây dựng, trong đó có nhà ở để cho thuê tại các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội.
- Nội dung Kế hoạch phải đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

II. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ Ở NĂM 2023

1. Các chỉ tiêu về phát triển nhà ở

1.1. Chỉ tiêu diện tích nhà ở bình quân đầu người, diện tích nhà ở tối thiểu

- Diện tích nhà ở bình quân toàn tỉnh năm 2023 phấn đấu đạt 31,78 m²/người, trong đó tại khu vực đô thị là 28,0 m²/người, khu vực nông thôn là 32,41 m²/người.

- Chỉ tiêu diện tích nhà ở tối thiểu đến năm 2023 đạt 10 m² sàn/người.

1.2. Chỉ tiêu về tổng diện tích sàn nhà ở tăng thêm:

Tổng diện tích nhà ở tăng thêm của tỉnh phần đầu đạt 1.770.176 m² sàn nhà ở, tương ứng khoảng 16.737 căn nhà, căn hộ. Trong đó:

- Nhà ở thương mại, khu đô thị, khu dân cư: Tổng diện tích sàn hoàn thành là: 150.281 m² (chiếm tỷ lệ 8,7%), tương ứng khoảng 447 căn. Tiếp tục kêu gọi đầu tư phát triển các dự án mới để có sản phẩm từ năm 2024 nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân trong giai đoạn 2022 - 2026 và 2026 - 2030.

- Nhà ở xã hội: Hoàn thành 171 căn hộ, tương đương 11.970 m² sàn nhà ở xã hội. Tiếp tục kêu gọi đầu tư phát triển các dự án mới để có sản phẩm từ năm 2024 nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân trong giai đoạn 2022 - 2026 và 2026 - 2030.

- Diện tích sàn hoàn thành của hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng là: 1.607.925 m² (chiếm tỷ lệ 91,3%), tương ứng khoảng 16.119 căn.

Bảng 1. Các chỉ tiêu về phát triển nhà ở năm 2023

STT	Diện tích sàn nhà ở xây dựng mới	Diện tích (m ² sàn)	Số căn (căn)
1	Nhà ở thương mại	150.281	447
2	Nhà ở xã hội	11.970	171
3	Nhà ở công vụ	-	-
4	Nhà ở dân tự xây	1.607.925	16.119
Tổng cộng		1.770.176	16.737

1.3. Nhu cầu về nguồn vốn phát triển nhà ở:

Dự báo trong năm 2023, toàn tỉnh cần khoảng 15.381,50 tỷ đồng để xây dựng hoàn thành các loại nhà ở, cụ thể như sau:

- Vốn xây dựng nhà ở thương mại là 1.418,48 tỷ đồng;
- Vốn xây dựng nhà ở xã hội là 73,62 tỷ đồng;
- Vốn của các hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng là 13.889,40 tỷ đồng.

Bảng 2. Nhu cầu nguồn vốn năm 2023

STT	Các loại nhà ở	Quy mô (m ² sàn)	Nguồn vốn năm 2023 (tỷ đồng)
1	Nhà ở thương mại, khu đô thị, khu nhà ở	150.281	1.418,48
2	Nhà ở xã hội	11.970	73,62
-	Nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp	0	0

-	Nhà ở cho công nhân	11.970	73,62
3	Nhà ở công vụ	0	0
4	Nhà ở dân tự xây	1.607.925	13.889,40
Tổng cộng		1.770.176	15.381,50

1.4. Nhu cầu về quỹ đất phát triển nhà ở:

Dự báo trong năm 2023, toàn tỉnh cần khoảng 22,89 ha đất để xây dựng hoàn thành các loại nhà ở, cụ thể như sau:

- Quỹ đất để xây dựng nhà ở thương mại là 11,65 ha;
- Quỹ đất để xây dựng xây dựng nhà ở xã hội là 11,10 ha;
- Quỹ đất để xây dựng nhà ở công vụ là 0,14 ha.

Bảng 3. Nhu cầu quỹ đất phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh năm 2023

STT	Loại hình nhà ở	Giai đoạn 2022-2026 (ha)	Đã thực hiện năm 2021, 2022 (ha)	Năm 2023 (ha)
1	Nhà ở thương mại	48,27	30,21	11,65
2	Nhà ở xã hội	22,17	1,28	11,10
3	Nhà ở công vụ	0,14	0	0,14
TỔNG CỘNG		70,58	31,49	22,89

Bảng 4. Nhu cầu quỹ đất năm 2023 theo đơn vị hành chính

STT	Đơn vị hành chính	Giai đoạn 2022 - 2026 (ha)	Đã thực hiện năm 2021, 2022 (ha)	Năm 2023 (ha)
	Toàn tỉnh	70,59	31,49	22,89
1	Thành phố Mỹ Tho	14,86		4,25
	Nhà ở thương mại	10,37	6,46	1,96
	Nhà ở xã hội	4,41	0,33	2,21
	Nhà ở công vụ	0,09		0,09
2	Thị xã Gò Công	10,06		4,44
	Nhà ở thương mại	5,97	1,20	2,39
	Nhà ở xã hội	4,09	0,95	2,05
	Nhà ở công vụ	0,006		0,006
3	Thị xã Cai Lậy	18,37		8,95
	Nhà ở thương mại	17,44	0,47	8,48
	Nhà ở xã hội	0,93		0,47
	Nhà ở công vụ	0,005		0,005
4	Huyện Tân Phước	0,67		0,10
	Nhà ở thương mại	0,48	4,56	
	Nhà ở xã hội	0,18		0,09
	Nhà ở công vụ	0,005		0,005
5	Huyện Cái Bè	2,08		1,05

STT	Đơn vị hành chính	Giai đoạn 2022 - 2026 (ha)	Đã thực hiện năm 2021, 2022 (ha)	Năm 2023 (ha)
	Nhà ở thương mại	1,51		0,76
	Nhà ở xã hội	0,57		0,29
	Nhà ở công vụ	0,005		0,005
6	Huyện Cai Lậy	2,2		0,31
	Nhà ở thương mại	1,59	2,75	
	Nhà ở xã hội	0,6		0,30
	Nhà ở công vụ	0,005		0,005
7	Huyện Châu Thành	16,67		0,95
	Nhà ở thương mại	6,79	14,77	(3,99)
	Nhà ở xã hội	9,87		4,94
	Nhà ở công vụ	0,005		0,005
8	Huyện Chợ Gạo	2,67		1,34
	Nhà ở thương mại	1,94		0,97
	Nhà ở xã hội	0,73		0,37
	Nhà ở công vụ	0,005		0,005
9	Huyện Gò Công Tây	1,44		0,72
	Nhà ở thương mại	1,04		0,52
	Nhà ở xã hội	0,39		0,20
	Nhà ở công vụ	0,005		0,005
10	Huyện Gò Công Đông	1,18		0,60
	Nhà ở thương mại	0,86		0,43
	Nhà ở xã hội	0,32		0,16
	Nhà ở công vụ	0,005		0,005
11	Huyện Tân Phú Đông	0,39		0,20
	Nhà ở thương mại	0,29		0,15
	Nhà ở xã hội	0,1		0,05
	Nhà ở công vụ	0,005		0,005

2. Vị trí, khu vực phát triển nhà ở

- Phát triển nhà ở theo dự án: *Chi tiết tại Phụ lục 1, 2.*

- Phát triển nhà ở do dân tự xây: Khuyến khích phát triển nhà ở theo dự án, trong quá trình triển khai thực hiện có thể điều chỉnh, bổ sung danh mục phát triển nhà ở theo dự án để đảm bảo chỉ tiêu phát triển chung.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện kế hoạch phát triển nhà ở; hướng dẫn, đôn đốc và giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện theo thẩm quyền và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đối với trường hợp vượt thẩm quyền; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết

quả thực hiện theo định kỳ.

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham mưu, lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện Kế hoạch.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, yêu cầu các địa phương và chủ đầu tư báo cáo theo định kỳ, tổng kết tiến độ thực hiện của các dự án đang triển khai, đánh giá quy mô diện tích sàn đã hoàn thành, khả năng cung ứng của các dự án, trên cơ sở đó kêu gọi đầu tư phát triển các dự án phát triển nhà ở để đảm bảo diện tích sàn nhà ở hoàn thành trong giai đoạn 2022 - 2026 đạt mục tiêu đã đề ra.

- Tham mưu thực hiện chức năng quản lý nhà nước về nhà ở trên địa bàn thông qua tổ chức xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở và phát triển có kiểm soát thị trường bất động sản.

- Tham mưu tiếp tục đẩy mạnh việc phân quyền, cải cách hành chính liên quan đến phát triển nhà ở.

- Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản theo Nghị định số 44/2022/NĐ-CP ngày 29/6/2022 của Chính phủ. Duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản để các tổ chức, cá nhân khai thác thông tin nhằm định hướng đầu tư xây dựng nhà ở trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu việc bố trí kế hoạch vốn phát triển nhà ở.

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu, đề xuất bố trí nguồn vốn sự nghiệp theo quy định để hỗ trợ về nhà ở cho các hộ chính sách, hộ nghèo trên phạm vi địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Trên cơ sở đề xuất của Sở Xây dựng, tổng hợp các chỉ tiêu về phát triển nhà ở của tỉnh vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và hàng năm của tỉnh. Phối hợp với Sở Xây dựng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển nhà ở trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Chủ trì tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án phát triển nhà ở theo quy định của pháp luật về đầu tư, đấu thầu đối với các dự án thuộc phạm vi quản lý.

- Phối hợp cung cấp thông tin về tình hình chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án bất động sản để cập nhật vào cơ sở dữ liệu chung về nhà ở và thị trường bất động sản của tỉnh.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng cân đối quỹ đất phát triển nhà ở và chuẩn bị quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội phù hợp với kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh được phê duyệt.

- Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát quỹ đất đã giao cho các chủ đầu tư để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi đất đối với các dự án chậm triển khai hoặc không thực hiện để giao cho các chủ đầu tư khác thực hiện đáp ứng yêu cầu tiến độ.

- Phối hợp cung cấp thông tin về tình hình giao dịch đất ở để cập nhật vào cơ sở dữ liệu chung về nhà ở và thị trường bất động sản của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố rà soát lại các quỹ đất đã giao cho các chủ đầu tư xây dựng nhà ở đã và đang triển khai thực hiện để cập nhật kế hoạch sử dụng đất hàng năm phù hợp với Kế hoạch phát triển nhà ở được phê duyệt.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện và đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tiếp tục rà soát nhu cầu nhà ở của các hộ chính sách, hộ nghèo cần hỗ trợ nhà ở, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

6. Sở Giao thông vận tải

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng cơ chế thực hiện chính sách đầu tư dự án phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội gắn kết các dự án phát triển nhà ở.

7. Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Tiền Giang

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham gia quản lý nguồn vốn và quản lý việc sử dụng nguồn vốn để phát triển nhà ở xã hội cho các hộ gia đình nghèo, cận nghèo và hộ gia đình người có công với cách mạng;

- Thực hiện huy động tiền gửi tiết kiệm của hộ gia đình, cá nhân trong nước để cho các đối tượng xã hội có nhu cầu mua, thuê mua nhà ở xã hội vay với lãi suất ưu đãi và thời hạn vay dài hạn.

8. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Tiền Giang

- Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan đánh giá, xác định nhu cầu về nhà ở của công nhân, người lao động làm việc tại các khu công nghiệp để có cơ sở lập và triển khai các dự án phát triển nhà ở dành cho công nhân khu công nghiệp;

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án nhà ở phục vụ khu công nghiệp, khu kinh tế được giao quản lý theo quy định của pháp luật về đầu tư.

9. Cục Thuế tỉnh Tiền Giang

Phối hợp với Sở Xây dựng trong việc cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trong phạm vi quyền hạn được giao.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Tiền Giang

Tổ chức kêu gọi tài trợ, ủng hộ cho các quỹ vì người nghèo, quỹ đền ơn đáp nghĩa... để hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng chính sách, đối tượng đặc biệt khó khăn.

11. Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Tổ chức, chỉ đạo triển khai kế hoạch phát triển nhà ở và thực hiện quản lý nhà nước về nhà ở trên địa bàn. Tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch phát triển nhà trên địa bàn và gửi Sở Xây dựng để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo định kỳ hoặc đột xuất;

- Tổ chức thu thập thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trong phạm vi quản lý trên địa bàn và gửi về Sở Xây dựng định kỳ hàng quý hoặc đột xuất khi có yêu cầu;

- Rà soát và lựa chọn quỹ đất phù hợp quy hoạch để giới thiệu địa điểm thực hiện các dự án phát triển nhà ở, gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Tổ chức cấp phép xây dựng nhà ở tại khu vực đô thị theo phân cấp thực hiện và phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện xây dựng nhà ở sau cấp phép, xử lý các trường hợp xây dựng nhà ở trái phép, không phép theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện quản lý xây dựng nhà ở tại khu vực nông thôn trên cơ sở nếu không xin cấp phép thì phải thông báo cho chính quyền địa phương và cam kết thực hiện xây dựng nhà ở đúng trên đất ở thuộc sở hữu hợp pháp. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm tổng hợp số liệu về tình hình xây dựng nhà ở khu vực nông thôn do Ủy ban nhân dân các xã báo cáo.

12. Chủ đầu tư dự án nhà ở

- Triển khai thực hiện các dự án phát triển nhà ở theo đúng nội dung và tiến độ đã được phê duyệt.

- Xây dựng kế hoạch và lộ trình thực hiện đối với khu đất đầu tư; khẩn trương triển khai các thủ tục đầu tư xây dựng theo đúng quy định; cân đối nguồn vốn để xây dựng cụ thể lộ trình, tiến độ thực hiện để đảm bảo tuân thủ các quy định về lập dự án đầu tư theo quy định.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản và pháp luật có liên quan.

- Phối hợp với Sở Xây dựng trong việc cung cấp thông tin, dữ liệu về dự án bất động sản theo quy định.

- Quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, yêu cầu các cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan gửi ý kiến phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

PHỤ LỤC 1. DANH MỤC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NHÀ Ở ĐANG TRIỂN KHAI TRÊN ĐỊA BÀN

STT	Dự án	Địa điểm	Quy mô						
			Tổng diện tích (ha)	Sản phẩm thương mại					
				Nhà chung cư		Nhà riêng lẻ		Đất nền	
				Số căn	DT sàn (m2)	Số căn	DT sàn (m2)	Số lô	DT đất (m2)
	TOÀN TỈNH		166,15	1.357	79.021	6.077	1.372.623	-	-
I	Thành phố Mỹ Tho		26,46	250	12.800	970	353.279	-	-
1	Dự án khu dân cư dọc sông Tiền (giai đoạn 1)	Phường 1, 4, 6	7,31			294	99.776		
2	Dự án Khu dân cư An Hòa	Xã Đạo Thạnh	9,29			304	117.000		
3	Dự án đường D7 và khu dân cư 2 bên đường	Xã Trung An	6,16			214	80.080		
4	EZ HOME	Xã Tân Mỹ Chánh	0,30			32	6.063		
5	Trung tâm thương mại dịch vụ tỉnh Tiền Giang (thuộc Quảng trường Trung tâm tỉnh Tiền Giang)	Xã Đạo Thạnh	3,07			126	50360		
6	Khu nhà ở xã hội Nguyễn Tri Phương	Phường 7	0,34	250	12800				
II	Thị xã Gò Công		27,18	486	34.100	973	232.284	-	-
1	Đường Nguyễn Trọng Dân nối dài và khu dân cư hai bên đường	Phường 4	7,71			261	79.109		
2	Đường Trương Định và khu dân cư hai bên đường giai đoạn 3	Phường 5	9,17			385	115.000		

STT	Dự án	Địa điểm	Quy mô						
			Tổng diện tích (ha)	Sản phẩm thương mại					
				Nhà chung cư		Nhà riêng lẻ		Đất nền	
				Số căn	DT sàn (m2)	Số căn	DT sàn (m2)	Số lô	DT đất (m2)
3	Đường Nguyễn Trãi nối dài và khu dân cư hai bên đường, thị xã Gò Công	Phường 3	8,15			262	30.988		
4	Dự án Khu dân cư Làng nghề Tân Trung	Xã Tân Trung	1,20			65	7.187		
5	Khu nhà ở xã hội đường Nguyễn Trọng Dân nối dài	Phường 4	0,95	486	34.100				
III	Thị xã Cai Lậy		18,78	-	-	834	160.344	-	-
1	Đường số 4 và khu dân cư 2 bên đường	Phường 4, Phường Nhị Mỹ, xã Long Khánh	18,31			807	75.268		
2	Khu dân cư Phường 1, thị xã Cai Lậy	Phường 1	0,47			27	85.076		
IV	Huyện Tân Phước		43,91	-	-	1.119	242.968	-	-
1	Khu dân cư Hòa Cường	Xã Tân Lập 1	25,00			320	96.000		
2	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Phước Lập	Xã Phước Lập	4,79			212	45.360		
3	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Minh Hưng	Xã Phước Lập	4,93			308	19.789		

STT	Dự án	Địa điểm	Quy mô						
			Tổng diện tích (ha)	Sản phẩm thương mại					
				Nhà chung cư		Nhà riêng lẻ		Đất nền	
				Số căn	DT sàn (m2)	Số căn	DT sàn (m2)	Số lô	DT đất (m2)
4	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Tân Phước Lập	Xã Phước Lập	4,63			177	51.100		
5	Khu dân cư Zen Garden Village	Xã Thạnh Mỹ	4,56			102	30.719		
V	Huyện Cái Bè		18,79	-	-	748	83.776	-	-
1	Đường Lộ Gò và khu dân cư hai bên đường (từ đường Lê Thị Kim Chi đến Quốc lộ 1)	Xã An Cư và Đông Hòa Hiệp	18,79			748	83.776		
VI	Huyện Cai Lậy		2,75	-	-	90	26.933	-	-
1	Nhà ở thương mại trung tâm hành chính huyện Cai Lậy, giai đoạn 1	Thị trấn Bình Phú	2,75			90	26.933		
VII	Huyện Châu Thành		28,27	621	32.121	1.343	273.039	-	-
1	Khu Thương mại, Dịch vụ và Nhà ở Vĩnh Kim (Khu A)	Xã Vĩnh Kim	9,89			427	120.377		
2	Khu dân cư An Phú Giang	Xã Tân Lý Đông	4,88			283	27.551		
3	Xây dựng hạ tầng khu dân cư Đông Long Giang	Xã Tân Lý Đông	4,90			212	75.090		

STT	Dự án	Địa điểm	Quy mô						
			Tổng diện tích (ha)	Sản phẩm thương mại					
				Nhà chung cư		Nhà riêng lẻ		Đất nền	
				Số căn	DT sàn (m2)	Số căn	DT sàn (m2)	Số lô	DT đất (m2)
4	Nhà ở xã hội Khu công nghiệp Tân Hương	Xã Tân Hương	1,42	621	32.121				
5	Dự án Chợ Tân Lý Đông	Xã Tân Lý Đông	0.56			41	13.284		
6	Khu dân cư Bắc Kim Thang	Xã Tam Hiệp	6,78			341	34.100		
7	Hạ tầng khu dân cư Tân Phú Hương	Xã Tân Hương	0,40			39	2.637		

PHỤ LỤC 2: DANH MỤC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NHÀ Ở DỰ KIẾN

STT	Dự án	Địa điểm	Tổng diện tích (ha)
	TOÀN TỈNH		1.536,325
I	Thành phố Mỹ Tho		571,15
1	Khu Thương mại phức hợp và Dịch vụ y tế Tiền Giang	Xã Phước Thạnh	6
2	Khu dân cư Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang - Khu nhà ở thương mại	Xã Trung An	11,23
3	Đường Nguyễn Công Bình nối dài và Khu dân cư hai bên đường (từ đường Phạm Hùng đến đường tỉnh 870)	xã Trung An	19,95
4	Đường vành đai 1 và khu dân cư hai bên đường	Phường 5, Phường 6	11,64
5	Đường kết nối phía Tây thành phố và khu dân cư hai bên đường	Xã Phước Thạnh, xã Trung An	28
6	Đường Hùng Vương nối dài và khu dân cư hai bên đường	- Xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho; - Xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo; - Xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành	97,7
7	Khu đô thị Đông Bắc, thành phố Mỹ Tho	Xã Đạo Thạnh	192,64
8	Khu đô thị Mỹ Hưng, thành phố Mỹ Tho	Xã Mỹ Phong	52,06
9	Khu dân cư kinh đô Hùng Vương, thành phố Mỹ Tho	Xã Trung An	9,68
10	Khu dân cư thương mại xã Mỹ Phong	Xã Mỹ Phong	0,68
11	Nhà ở xã hội Khu dân cư An Hòa	Xã Đạo Thạnh	0,9
12	Khu dân cư thương mại, dịch vụ hai bên bờ kênh Xáng Cụt	Phường 6	16,18
13	Khu đô thị mới phía Tây Bắc, thành phố Mỹ Tho	Xã Đạo Thạnh	52,8
14	Khu đô thị mới thành phố Mỹ Tho	Xã Đạo Thạnh	58
15	Khu đô thị mới Nguyễn Công Bình	Xã Trung An	9,68
16	Dự án Thiết chế của công đoàn tỉnh Tiền Giang	Xã Trung An	3,00
17	Dự án nhà ở cán bộ, công chức và nhà ở công vụ tỉnh Tiền Giang	Xã Đạo Thạnh	0,12
18	Chung cư cao tầng Northwest City	Phường 10	0,89
II	Thị xã Gò Công		390,915
1	Khu nhà ở xã hội đường Nguyễn Trãi nối dài	Phường 3	0,72

STT	Dự án	Địa điểm	Tổng diện tích (ha)
2	Khu nhà ở xã hội đường Nguyễn Trọng Dân nối dài	Phường 4	0,95
3	Khu dân cư Long Thuận 1	Xã Long Thuận	9,8
4	Khu dân cư Long Thuận 2	Xã Long Thuận	9,8
5	Đường và khu dân cư hai bên đường vành đai phía Đông - Đoạn 1	Xã Long Hưng	10,87
6	Đường và khu dân cư hai bên đường vành đai phía Đông - Đoạn 2	Xã Long Thuận	9,1
7	Khu dân cư Rạch Cầu Huyện	Phường 2 và xã Long Thuận	9,3
8	Đường và khu dân cư hai bên đường Kênh Bến xe	Phường 3, xã Long Hưng	14,14
9	Khu đô thị Nguyễn Trọng Hợp	Phường 4	22,7
10	Khu đô thị Phường 5	Phường 4	23,06
11	Khu nhà ở thương mại dịch vụ Bình Đông	Xã Bình Đông	26,7
12	Khu đô thị Gò Công Central	Xã Long Hưng	29
13	Khu đô thị Long Hưng	Xã Long Hưng	40,5
14	Khu đô thị Tân Thành	Xã Long Hòa	22,5
15	Khu đô thị Long Hòa	Xã Long Hòa	42,418
16	Đường Nguyễn Trọng Dân nối dài và khu dân cư hai bên đường (gđ 2)	Xã Long Chánh	22,7
17	Khu dân cư Bảo Gia Phát	Xã Bình Đông	22,6
18	Khu dân cư KLC Tân Trung	Xã Tân Trung	1,597
19	Khu đô thị Trần Công Tường	Phường 4, xã Long Chánh	26,8
20	Khu đô thị xã Long Hòa	Xã Long Hòa	45,66
III	Thị xã Cai Lậy		199,88
1	Khu dân cư thương mại Mỹ Phú	Xã Long Khánh	8,93
2	Khu dân cư Mỹ Lợi	Phường Nhị Mỹ	3
3	Khu dân cư Mỹ Phú (giai đoạn 2)	Xã Long Khánh, phường 4,5	22,68
4	Đường số 1 và khu dân cư hai bên đường	Phường 4, 5 và xã Long Khánh	17,45
5	Khu đô thị Tam Long	Khu phố 1, 2, phường 5	34,02
6	Xây mới chợ Tân Hội kết hợp khu dân cư	Ấp Tân Phong, xã Tân Hội	4,24
7	Nhà ở xã hội Đường số 4 và khu dân cư hai bên đường	Phường 4, Phường Nhị Mỹ và Xã Long Khánh	1,5
8	Khu đô thị Nhị Mỹ, thị xã Cai Lậy	Phường Nhị Mỹ và Phường 4	91,13

STT	Dự án	Địa điểm	Tổng diện tích (ha)
9	Khu dân cư dọc tuyến tránh 868 - Lộ Dây Thép phường Nhị Mỹ	Khu phố Mỹ An - Khu phố Mỹ Lợi, phường Nhị Mỹ	14,26
10	Đường Cao Đẳng Chiếm nổi dài và khu dân cư 02 bên đường	Phường Nhị Mỹ	2,67
IV	Huyện Tân Phước		85,04
1	Chợ và khu phố chợ Tân Lập 1	Xã Tân Lập 1	8,94
2	Khu dân cư Khu phố 3, thị trấn Mỹ Phước	Thị trấn Mỹ Phước	3,48
3	Khu dân cư dịch vụ 60 ha Khu công nghiệp Long Giang	Ấp 3, xã Tân Lập 1	60
4	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Mỹ Hòa	Ấp Mỹ Hòa, xã Phước Lập	3,55
5	Khu dân cư Thạnh Mỹ	Xã Thạnh Mỹ	4,45
6	Khu dân cư Minh Vy Tân Phước	Xã Tân Lập 2	4,62
V	Huyện Cái Bè	5	41,35
1	Khu dân cư và Chợ Cái Bè	Thị trấn Cái Bè	12
2	Khu dân cư kết hợp Thương mại dịch vụ Mỹ Đức Tây	Ấp Mỹ An và xã Mỹ Đức Tây	6,6
3	Khu dân cư Chợ An Hữu	Xã An Hữu	10,4
4	Mở rộng khu dân cư Chợ Thiên Hộ (Giai đoạn 2)	Xã Hậu Mỹ Bắc A	2,55
5	Chợ mới Cái Bè và Khu dân cư	Thị trấn Cái Bè	9,8
VI	Huyện Cai Lậy	2	94,29
1	Khu đô thị mới huyện Cai Lậy phía Đông sông Bình Long	Thị trấn Bình Phú	46,02
2	Khu đô thị mới huyện Cai Lậy phía Tây sông Bình Long	Thị trấn Bình Phú	48,27
VII	Huyện Châu Thành		43,38
1	Khu thương mại dịch vụ và nhà ở Vĩnh Kim (Khu B)	Xã Vĩnh Kim	6,8
2	Khu dân cư chợ Dưỡng Diêm	Xã Dưỡng Diêm	3,2
3	Khu dân cư thương mại dịch vụ Thân Đức	Xã Thân Cửu Nghĩa	10,3
4	Khu đô thị mới và chợ Tân Hiệp	Xã Thân Cửu Nghĩa	23,08
VIII	Huyện Chợ Gạo		3
1	Khu dân cư Thạnh Lợi	Xã Long Bình Điền	3
IX	Huyện Gò Công Tây		59,58
1	Khu dân cư thương mại và dịch vụ huyện Gò Công Tây trên tuyến Đường tránh Thị trấn Vĩnh Bình	Thị trấn Vĩnh Bình	2,1
2	Khu đô thị mới thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang	Thị trấn Vĩnh Bình	27,48

STT	Dự án	Địa điểm	Tổng diện tích (ha)
3	Khu dân cư Đồng Sơn	Xã Đồng Sơn	30
X	Huyện Gò Công Đông		43,27
1	Khu dân cư ven sông Long Uông	Thị trấn Tân Hòa	10,6
2	Khu dân cư nông thôn kết hợp thương mại dịch vụ hai bên đường tỉnh 871B đoạn cuối nối với Cụm công nghiệp Gia Thuận 1	Xã Gia Thuận	11,86
3	Khu dân cư, thương mại, dịch vụ Tân Tây	Xã Tân Tây	9,91
4	Khu dân cư, thương mại, dịch vụ Vàm Láng	Thị trấn Vàm Láng	10
5	Khu dân cư ấp 7 xã Tân Tây	Xã Tân Tây	0,9
XI	Huyện Tân Phú Đông		4,47
1	Khu nhà ở thương mại cặp đường D7 tại khu Trung tâm hành chính huyện Tân Phú Đông	Xã Phú Thạnh	0,97
2	Khu nhà ở thương mại cặp đường D8 tại khu Trung tâm hành chính huyện Tân Phú Đông	Xã Phú Thạnh	0,71
3	Khu nhà ở thương mại cặp đường D12 tại khu Trung tâm hành chính huyện Tân Phú Đông	Xã Phú Thạnh	0,81
4	Khu nhà ở thương mại cặp đường N9 tại khu Trung tâm hành chính huyện Tân Phú Đông	Xã Phú Thạnh	0,56
5	Khu nhà ở thương mại cặp đường N13 và N9 tại khu Trung tâm hành chính huyện Tân Phú Đông	Xã Phú Thạnh	0,32
6	Chợ và Khu phố chợ xã Phú Thạnh	Xã Phú Thạnh	1,1

*** Ghi chú:** Trong quá trình triển khai có thể bổ sung các dự án ngoài danh mục này cho phù hợp với chỉ tiêu của kế hoạch phát triển nhà ở.